TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TPNĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST Ngày: 24-02-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ- TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

Ông Đỗ Quang Chung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ***tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tiến Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 503/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc"Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Đức Đ, sinh năm 1987; căn cước công dân số 036087009719; nơi cư trú: Số 55 phố Bắc N, phường Nguyễn D, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lưu Lệ T, sinh năm 1984; căn cước công dân số 001184006114; nơi cư trú: Số 55 phố Bắc N, phường Nguyễn D, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình đề ngày 30-11-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Vũ Đức Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Lệ T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Nguyễn D, TPNĐvào ngày 24-6-2016. Sau khi kết hôn chị và anh Đ sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T vay nợ nhiều người để sử dụng vào mục đích cá nhân. Anh và gia đình đã nói chuyện, phân tích, tạo điều kiện cho chị T để chị T thay đổi nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 10/2022 anh lại

phát hiện chị T tiếp tục vay nợ nhiều người dẫn đến không có khả năng trả nợ và chị T phải trốn nợ. Hàng ngày có rất nhiều người đến nhà anh đòi nợ và ném chất bẩn vào nhà anh, gây mất trật tự an ninh khu phố, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống sinh hoạt của gia đình anh. Từ ngày đó đến nay chị T đi trốn nợ và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Lưu Lệ T ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh và chị Lưu Lệ T có hai con chung là Vũ Lưu Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 03-02-2017 và Vũ Lưu Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-12-2017. Hiện hai con đang ở với anh. Từ khi chị T đi trốn nợ cho đến nay không về nhà, không liên lạc và không có trách nhiệm gì đối với các con. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, thực tế anh đang trực tiếp nuôi con và có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện không yêu cầu chị Lưu Lệ T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân TPNĐ đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lưu Lệ T nhưng chị T không đến Toà án theo giấy triệu tập.

3. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 5, phường Nguyễn D, TPNĐ nơi anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T cư trú cung cấp:

Vợ chồng chị Lưu Lệ T và anh Vũ Đức Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn M, TPNĐ vào năm 2016. Sau khi kết hôn anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T có đăng ký thường trú và cư trú tại số 55 phố Bắc N, phường Nguyễn D, TPNĐ, tỉnh Nam Định. Trong quá trình sinh sống tại địa phương có nhiều người đến đòi nợ chị T. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, đại diện tổ dân phố đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T theo quy định của pháp luật.

4. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ về thông tin cư trú của chị Lưu Lệ T, công an phường Nguyễn D, TPNĐ nơi anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T cư trú cung cấp: Chị T không có mặt tại địa phương từ ngày 09-11-2022 cho đến nay, chị T không thông báo cho chính quyền địa phương và không thông báo nơi cư trú mới cho Công an phường.

5. *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Đức Đ đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy

định của pháp luật; chị Lưu Lệ T chưa thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; đã được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức Đ. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T. Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cho anh Vũ Đức Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Vũ Lưu Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 03-02-2017 và Vũ Lưu Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-12-2017. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Đức Đ không yêu cầu chị Lưu Lệ T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Vũ Đức Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Vũ Đức Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân TPNĐnhận định:

[1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Vũ Đức Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Lưu Lệ T, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là chị Lưu Lệ T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn là chị Lưu Lệ T đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn là anh Vũ Đức Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T là hôn nhân hợp pháp. Anh Vũ Đức Đ khai sau khi kết hôn anh và chị Lưu Lệ T sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T vay nợ nhiều người để sử dụng vào mục đích cá nhân và không có khả năng trả nợ dẫn đến viêc chị T phải đi trốn nợ, không còn chung sống với anh Vũ Đức Đ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đức Đ: Xử ly hôn giữa anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con chung: Anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T có hai con chung là cháu Vũ Lưu Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 03-02-2017 và cháu Vũ Lưu Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-12-2017. Hiện nay hai cháu đang được anh Vũ Đức Đ nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T hiện không có mặt tại nơi cư trú, hai con của anh Đ và chị T hiện đang sống cùng anh Đ; xét anh Vũ Đức Đ có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Vũ Lưu Gia B và cháu Vũ Lưu Bảo N cho anh Vũ Đức Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Đức Đ không yêu cầu chị Lưu Lệ T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

3.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Anh Vũ Đức Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí Dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Anh Vũ Đức Đ là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Xử ly hôn giữa anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Lưu Gia B (giới tính: Nam), sinh ngày 03-02-2017 và cháu Vũ Lưu Bảo N (giới tính: Nữ), sinh ngày 28-12-2017 cho anh Vũ Đức Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Đức Đ không yêu cầu chị Lưu Lệ T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Đức Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005724 ngày 09-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TPNĐ.

5. Anh Vũ Đức Đ và chị Lưu Lệ T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TPNĐ;
- UBND phường Nguyễn D, TPNĐ (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 24-6-2016);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh